

ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ QUỐC GIA THEO HƯỚNG HIỆN ĐẠI, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

NGUYỄN HOÀNG ANH (*)
NGUYỄN PHẠM HỒNG ANH (**)

Tóm tắt: Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả là chủ trương lớn và đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta; phù hợp với sự phát triển của đất nước cũng như xu hướng phát triển của thế giới trong bối cảnh hiện nay. Muốn đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả thì trước hết cần phải đổi mới tư duy, nhận thức cũng như xác định rõ từng đối tượng, từng chủ thể trong quản trị sao cho phù hợp với thể chế chính trị, truyền thống văn hóa, đặc điểm kinh tế - xã hội... để triển khai một cách hiệu lực, hiệu quả; khai thác tiềm năng, lợi thế góp phần phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Từ khóa: Đổi mới quản trị; hiện đại; hiệu lực, hiệu quả; quản trị quốc gia.

Abstract: Innovating the national governance with focus on modernity, effectiveness and efficiency is a major and appropriate policy of our Party and State in line with the development of the country as well as the development trend of the world in the existing context. To innovate the national governance with focus on modernity, effectiveness and efficiency, it is necessary to renew the mindset and awareness, then clearly identify individual subjects and entities involved in the governance so as to comply with the political regime, cultural traditions, socio-economic characteristics, etc. to implement effectively and efficiently and exploit potential strengths and advantages to contribute to the rapid and sustainable development of the country.

Keywords: Innovating the governance; modernity, effectiveness and efficiency; national governance.

Ngày nhận bài: 10/11/2023

Ngày biên tập: 29/5/2024

Ngày duyệt đăng: 24/9/2024

1. Quản trị quốc gia và đổi mới quản trị quốc gia ở Việt Nam

1.1. Khái niệm quản trị

Quản trị khác với quản lý hay cai trị. Theo các tác giả Stephen Buzdugan, Anthony Payne thì quản trị bao gồm hành động của các thiết chế nhà nước và cả các thiết chế phi chính phủ, phi chính thức. Bởi vậy, quản trị là những hành động có mục tiêu chung, mà

không phải xuất phát từ các nghĩa vụ pháp lý bắt buộc; cũng không nhất thiết dựa trên sức mạnh cưỡng chế nhà nước để có sự tuân thủ⁽¹⁾. Khái niệm quản trị được lan tỏa rộng rãi từ những năm 1980, xuất hiện chính thức trong các điển ngữ về chính sách công quốc tế. Một số học giả cho rằng, quản trị bao gồm các hành động của các thiết chế công và tư, trong khi đó một số ý kiến khác cho rằng, khái niệm quản trị gắn liền với nhà nước⁽²⁾. Theo Thomas G Weiss: quản trị là tổng hợp những cách thức mà các cá nhân, các tổ chức công và tổ chức tư quản lý các công việc của họ. Đây là một tiến trình mà các lợi ích đa dạng thậm chí xung đột nhau có thể được điều chỉnh và trở thành các hành động chung⁽³⁾. Như vậy, quan điểm về quản trị khá cởi mở, theo James Rosenau thì quản trị dù ở cấp cơ sở hay toàn cầu, bao gồm

(*) PGS.TS; Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

(**) Trường Đại học Ngoại thương

(***) Bài viết trong Kế hoạch tuyên truyền về xây dựng Nhà nước pháp quyền và nền hành chính nhà nước theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, khóa XIII

các hoạt động của nhà nước và cả các “kênh” khác mà qua đó các mệnh lệnh được đưa ra dưới dạng mục tiêu; các chỉ thị được ban hành và các chính sách được theo đuổi.

1.2. Quản trị quốc gia

Khái niệm quản trị, quản trị quốc gia (QTQG) trở nên thông dụng trên thế giới từ cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI cho đến nay, phản ánh một sự thay đổi trong nhận thức và cách thức thực thi quyền lực chính trị trong một quốc gia. Đó chính là quá trình chuyển đổi từ “cai trị” sang “quản trị”. Sự chuyển đổi này phản ánh một thực tế là vị trí độc tôn của nhà nước đang dần thay đổi trong bối cảnh xuất hiện nhiều thiết chế dân chủ mới. Hình thức quản trị mới này phản ánh việc tái phân bổ quyền lực từ giới tinh hoa chính trị - vốn dĩ tập trung trong bộ máy nhà nước sang các tổ chức xã hội, người dân, phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa.

Ngân hàng Thế giới (WB) đưa ra khái niệm: quản trị quốc gia là “sự thực hiện các quyền lực chính trị để quản lý một quốc gia”. Báo cáo năm 1992 của WB cũng xác định: quản trị quốc gia là “để quản lý các nguồn tài nguyên kinh tế và xã hội phục vụ cho phát triển một quốc gia”. Theo quan điểm của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD): quản trị quốc gia là thực thi quyền lực chính quyền trong lĩnh vực chính trị. Quản trị tốt giúp thúc đẩy dân chủ và nhân quyền, thúc đẩy thịnh vượng kinh tế, ổn định và gắn kết xã hội, giảm nghèo, bảo vệ môi trường, sử dụng các nguồn tài nguyên và tăng niềm tin vào các thiết chế chính phủ và hành chính. Như vậy, có thể hiểu QTQG là hoạt động của các chủ thể trong việc ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định để giải quyết các vấn đề của một quốc gia, thúc đẩy sự phát triển của quốc gia đó. Quản trị quốc gia được thực hiện bởi đa chủ thể, trong đó nhà nước giữ vai trò quan trọng.

1.3. Sự khác biệt giữa quản lý nhà nước và quản trị quốc gia

Quản trị quốc gia và quản lý nhà nước (QLNN) là hai khái niệm khá tương đồng, nhưng có sự khác biệt. Quản lý nhà nước là hoạt động thực thi quyền lực nhà nước, do các cơ quan nhà nước thực hiện nhằm xác lập một trật tự ổn định và phát triển xã hội theo những mục tiêu mà tầng lớp lãnh đạo theo đuổi. Hiểu

theo nghĩa rộng, QLNN bao gồm toàn bộ hoạt động của cả bộ máy nhà nước từ lập pháp, hành pháp đến tư pháp; theo nghĩa hẹp, QLNN là hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước - loại hoạt động mang tính chấp hành, điều hành, để tổ chức thực hiện các mệnh lệnh của cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội). Loại hoạt động này chủ yếu do cơ quan hành pháp thực hiện, đôi khi có thể thấy trong công tác tổ chức nội bộ của cơ quan nhà nước khác hoặc trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức xã hội được nhà nước trao quyền quản lý hành chính. Dù hiểu theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp thì QLNN cũng có những nội dung chủ yếu như: xác định thẩm quyền của nhà nước; phân định thẩm quyền (phân công, phân nhiệm); tổ chức thực hiện thẩm quyền; biện pháp khuyến khích và cưỡng chế⁽⁴⁾.

Chủ thể chủ yếu của QLNN chính là các cơ quan nhà nước (cơ bản là cơ quan hành chính). Công dân, tổ chức thông thường chỉ là chủ thể tham gia và thường có tư cách là đối tượng bị quản lý, trừ những trường hợp nhất định được pháp luật trao quyền QLNN. Bởi vậy, nhiệm vụ trọng tâm của QLNN là xây dựng, tạo lập bộ máy QLNN; tạo lập các thể chế để quản lý (quy trình); xác định thẩm quyền của từng cơ quan. Trong khi đó, QTQG là việc xác định các nguồn lực, tài nguyên được giao phó cho nhà nước; tổ chức quản trị các tài nguyên đó qua các thể chế chính thức/phi chính thức; huy động sự tham gia của người dân và các tổ chức xã hội, doanh nghiệp vào quá trình quản trị nhà nước (QTNN)⁽⁵⁾.

Như vậy, có thể thấy sự khác biệt giữa QTQG với QLNN thể hiện trên các bình diện sau:

Thứ nhất, xuất hiện các chủ thể khác cùng tham gia vào quá trình ra quyết định, Nhà nước không còn là chủ thể duy nhất có quyền quyết định mà buộc phải nhìn nhận sự tồn tại của các chủ thể khác. Bằng cách này hay cách khác, những chủ thể phi nhà nước này cùng tham gia trong khuôn khổ chính thức hoặc phi chính thức trong việc ra quyết định.

Thứ hai, quản trị gắn liền với các giải pháp đồng thuận, dựa trên sự đồng ý của các chủ thể khác nhau, thay cho các phương thức mang tính chuyên chế, áp đặt. Theo đó, lựa chọn cuối cùng được đưa ra dựa trên kết quả của đàm phán và thỏa hiệp, có tính đến quan điểm của

các bên liên quan, nhà nước từ bỏ sự độc tôn, chấp nhận thảo luận trên cơ sở bình đẳng với các đối tác, trong khuôn khổ của một quy trình xây dựng quyết định mang tính tập thể.

Thứ ba, khi nói đến QLNN, người ta thường hướng đến tính hiệu quả, có nghĩa là kết quả đầu ra là quan trọng hơn quy trình.

1.4. Quản trị nhà nước

Ở các quốc gia đang phát triển, thuật ngữ QTNN được dùng phù hợp với giai đoạn chuyển giao, khi vừa từ giai đoạn quản lý tập trung bước sang mô hình kinh tế thị trường. Theo ý kiến một số chuyên gia thì khái niệm QTQG sẽ bao quát hơn, thể hiện được sự tham gia của đa chủ thể - không nhất thiết chỉ là nhà nước và thậm chí nhà nước không phải là chủ thể luôn luôn chi phối sự phát triển. Tuy nhiên trong giai đoạn hiện nay, QTNN là thuật ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam, tương thích với giai đoạn chuyển đổi từ mô hình QLNN tập trung sang mô hình quản trị phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và Nhà nước là chủ thể chủ đạo, giữ vai trò quan trọng trong quá trình phát triển.

1.5. Quản trị quốc gia ở Việt Nam

Quản trị nhà nước, QTQG là khái niệm mới du nhập vào Việt Nam. Có một quá trình dịch chuyển từ QLNN đến QTNN. Mặc dù chưa có một nghiên cứu cụ thể nào, nhưng khái niệm quản trị tốt, QTNN, QTQG ở Việt Nam thường được nhắc đến cùng với sự hiện diện của các tổ chức phát triển quốc tế như Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), Ngân hàng thế giới (WB). Trong các báo cáo phát triển của WB từ năm 2010 ở Việt Nam, các thuật ngữ quản trị, QTNN, QTQG, thể chế hiện đại... được nêu ra với các ngữ nghĩa khác nhau. Với những nghiên cứu và thực tiễn nêu trên, QTNN đã trở thành khái niệm khá gần gũi, quen thuộc trong đời sống xã hội ngày nay ở Việt Nam.

Mặt khác, để phù hợp với thông lệ quốc tế và quá trình hội nhập quốc tế hiện nay, cần sử dụng thuật ngữ QTNN thay cho thuật ngữ QLNN mà Việt Nam đang sử dụng. Điều này cũng phù hợp với tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng: “Xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả”. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 của Đảng ta cũng xác định:

“Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, nhất là quản lý phát triển và quản lý xã hội. Xây dựng bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền bảo đảm quản lý thống nhất, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành”⁽⁶⁾, nhằm thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa, mà trọng tâm là đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hiện nay.

2. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiệu lực, hiệu quả, tập trung phát triển

2.1. Khái niệm, vai trò của quản trị quốc gia theo hướng hiệu lực, hiệu quả, tập trung phát triển

Quản trị quốc gia theo hướng hiệu lực, hiệu quả là nguyên tắc đặc biệt quan trọng (sau nguyên tắc mục tiêu), nó chi phối toàn bộ các nguyên tắc khác, xuyên suốt trong tất cả các hoạt động triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của QTNN. Chỉ có bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thì các mục tiêu của QTQG mới đạt được một cách tối ưu. Hiệu lực trong QTNN thể hiện tính pháp lý, tính uy quyền của QTNN. Nguyên tắc hiệu lực yêu cầu trong QTNN phải tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật, pháp luật phải là công cụ quản lý, quản trị hiệu quả, bảo đảm trật tự kỷ cương, sức mạnh pháp lý và quyền uy của QTNN.

Hiện nay, nhu cầu về quản trị hiệu quả đặt ra rất cấp thiết do nhiều nguyên nhân. Nguồn lực của QTNN là hữu hạn, trong khi các yêu cầu, nhiệm vụ ngày một tăng và khó khăn, phức tạp, đòi hỏi các chủ thể QTNN phải khai thác, sử dụng có hiệu quả cao các nguồn lực. Nguyên tắc hiệu quả yêu cầu phải đạt được kết quả nhất định với chi phí và độ rủi ro thấp nhất, hoặc là đạt được kết quả dự kiến trong điều kiện chi phí nguồn lực thấp nhất. Nói một cách cụ thể, QTNN có hiệu quả là quản trị mang lại các kết quả đáp ứng được nhu cầu của xã hội với việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm nhất các nguồn lực, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái, tạo ra lợi thế cạnh tranh, giúp cho kinh tế - xã hội của đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Hiệu lực, thể hiện sức mạnh của sự tác động, điều khiển hay định hướng mục tiêu của chủ thể điều khiển tới các đối tượng bị điều khiển. Hiệu lực QLNN chính là thể hiện quyền lực của bộ máy nhà nước chi phối các đối tượng

bị quản lý trong hệ thống bằng những công cụ pháp lý, chính sách, quyết định phù hợp với những quy luật khách quan nhằm đạt mục tiêu quản lý và thỏa mãn nhu cầu thực tiễn xã hội; thể hiện trong việc hoạch định chính sách, quyết định quán xuyến hoạt động thực thi một cách nghiêm ngặt theo khuôn khổ nhất định nhằm đạt mục tiêu quản lý như mong muốn⁽⁷⁾.

Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của QTQG hướng tới mục tiêu thúc đẩy sự phát triển, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng nêu rõ mục tiêu: “Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững”⁽⁸⁾.

2.2. Thực tiễn nguyên tắc hiệu lực, hiệu quả trong quản trị nhà nước ở Việt Nam

Ở Việt Nam, quá trình đổi mới bộ máy nhà nước hiện nay đã có những cải tiến lớn theo hướng tăng cường hiệu lực, hiệu quả. Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 đã kế thừa những thành tựu của thời kỳ trước với các nội dung cải cách thể chế, cải cách bộ máy, cải cách thủ tục hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Bên cạnh đó, bổ sung nội dung cải cách tài chính công và hiện đại hóa nền hành chính là hoàn toàn phù hợp với các định hướng về tăng cường hiệu lực, hiệu quả của hoạt động hành chính nói riêng và của bộ máy nhà nước nói chung. Các thể chế về kinh tế, xã hội đã được tạo lập và cải cách theo hướng phù hợp hơn với đời sống và quy luật thị trường. Các đạo luật về đầu tư, doanh nghiệp, luật đất đai, thị trường chứng khoán, giao dịch bảo đảm... được ban hành, sửa đổi theo hướng khơi dậy, phát huy các nguồn lực kinh tế. Bộ máy nhà nước được cải cách theo hướng tinh giản, thu gọn đầu mối và quy định rõ hơn các cơ chế vận hành.

Đặc biệt, các quy định về trách nhiệm được chú ý tăng cường trong thời gian gần đây. Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) đã đưa ra những quy định theo hướng phân cấp, phân quyền và trao nhiều quyền hạn cho địa phương. Chế độ

trách nhiệm công vụ những năm gần đây được áp dụng mạnh mẽ hơn, theo hướng tăng cường trách nhiệm cá nhân, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, hướng tới xây dựng một nền quản trị hiệu lực, hiệu quả, tập trung phát triển.

3. Đo lường hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia

Theo Ủy ban Năng suất của Chính phủ Australia thì hiệu quả (của chương trình hoặc dịch vụ) phải thể hiện qua một thước đo về những kết quả đầu ra của một chương trình hoặc dịch vụ đạt được các mục tiêu đã đề ra (các kết quả mong muốn) chương trình hay dịch vụ⁽⁹⁾. Ngân hàng thế giới cho rằng, những năm gần đây Việt Nam đã đạt kết quả tốt nhất về ổn định chính trị và hiệu lực của chính quyền, ở các chỉ số này Việt Nam không thua kém các quốc gia có thu nhập trung bình cao và tốt hơn các quốc gia có thu nhập trung bình thấp. Việt Nam đã có sự cải thiện về kết quả đo lường hiệu lực của chính quyền (được đo lường dựa trên cảm nhận về chất lượng dịch vụ công và cam kết có chính sách tốt về dịch vụ công của chính quyền), điều này góp phần trực tiếp vào việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả của chính quyền⁽¹⁰⁾.

Hiện nay, Việt Nam sử dụng nhiều phương pháp đo lường để đánh giá hiệu quả, hiệu lực của QTNN và hành chính công nói riêng, nổi bật trong số đó là Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Bộ chỉ số đánh giá chất lượng của bộ phận một cửa cấp huyện (DOSSI).

Bộ chỉ số PAPI (được xây dựng và thực hiện từ năm 2009) đánh giá kết quả ba giai đoạn của quy trình chính sách có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau như hoạch định chính sách, thực thi chính sách và giám sát thực thi chính sách. Chỉ số PAPI giúp các nhà hoạch định chính sách ở Việt Nam cũng như cộng đồng phát triển quốc tế hiểu được tâm tư, nguyện vọng và trải nghiệm của người dân, từ đó rút ra các bài học nhằm giảm bớt tình trạng tham nhũng, cải thiện hiệu quả và hiệu lực của công tác quản trị công, nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với bộ máy hành chính công. Vận dụng các khái niệm về quản trị và hành chính công trên thế giới vào bối cảnh cụ thể của Việt Nam, Chỉ số PAPI nghiên cứu

vấn đề thông qua 06 trục nội dung lớn như: 1) Tham gia của người dân ở cấp cơ sở; 2) Công khai, minh bạch; 3) Trách nhiệm giải trình với người dân; 4) Kiểm soát tham nhũng; 5) Thủ tục hành chính; 6) Cung ứng dịch vụ công.

Chỉ số PCI được công bố thí điểm lần đầu tiên vào năm 2005 cho 47 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và được áp dụng cho các địa phương cấp tỉnh trên cả nước từ năm 2006. Việc đánh giá do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) gửi phiếu thống kê đến các doanh nghiệp tại các tỉnh, thành phố và căn cứ theo phản hồi của các doanh nghiệp để xếp hạng. Chỉ số PCI được sử dụng như một công cụ quan trọng để đo lường và đánh giá công tác QTNN, chủ yếu ở lĩnh vực kinh tế của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên 09 lĩnh vực có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của khu vực kinh tế dân doanh, bao gồm: chi phí gia nhập thị trường; tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất; tính minh bạch và tiếp cận thông tin; chi phí thời gian; tính năng động và tiên phong của lãnh đạo địa phương; chi phí không chính thức; dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; đào tạo lao động; hỗ trợ pháp lý.

Mục đích của Bộ chỉ số DOSSI nhằm đánh giá một cách toàn diện, thực chất và khách quan chất lượng của Bộ phận một cửa cấp huyện; đánh giá bằng định lượng, trên cơ sở đó có thể so sánh, xếp hạng các Bộ phận một cửa cấp huyện căn cứ vào chỉ số đánh giá đạt được. Bộ chỉ số nhằm củng cố mục đích chung của cơ chế một cửa: giảm phiền hà cho tổ chức, người dân khi có yêu cầu giải quyết công việc tại cơ quan hành chính nhà nước; góp phần phòng, chống tệ quan liêu, tham nhũng của một bộ phận cán bộ, công chức, nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần, thái độ phục vụ tổ chức, công dân của đội ngũ cán bộ, công chức; nâng cao chất lượng công vụ và hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước; làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, người dân; đổi mới cơ bản phương thức hoạt động của bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước, trên cơ sở đó sắp xếp lại tổ chức theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Ngoài các bộ chỉ số đánh giá chất lượng cung ứng dịch vụ công được nghiên cứu và

áp dụng trên phạm vi rộng rãi ở Việt Nam hiện nay, một số ngành, địa phương cũng xây dựng bảng đánh giá những nội dung hoạt động nhất định trong phạm vi quản lý. Ví dụ, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương đã xây dựng nội dung đánh giá trang thông tin điện tử (chủ thể đánh giá là chính các cơ quan đó) với các tiêu chí: đánh giá về khả năng cung cấp thông tin; đánh giá dịch vụ công/hành chính công trực tuyến; đánh giá về mức độ truy cập. Nhìn tổng quát có thể thấy các chỉ số nói trên mới tập trung vào hoạt động nhà nước nói chung và hoạt động hành chính nói riêng. Để đo đếm hiệu quả của QTQG cần có những công cụ rộng hơn, đo lường được cả mức độ, sự tham gia của các chủ thể khác, sự phối hợp giữa các chủ thể công và tư trong QTNN... góp phần đổi mới QTQG theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả để phát triển đất nước trong giai đoạn hội nhập và phát triển./

Ghi chú:

(1) Stephen Buzdugan, Anthony Payne, *The Long Battle for Global Governance*, Publisher Roudledge, 2016, p.2.

(2) THOMAS G WEISS, *Governance, good governance and global governance: conceptual and actual challenges*, Third World Quarterly, Vol 21, No 5, pp 795- 814, 2000.

(3) James N Rosenau, *Governance in the Twenty-First Century*, Global Governance, 1, (1) 1995, p 14.

(4), (5) PGS.TS Phạm Duy Nghĩa, *Bài giảng Quản trị nhà nước, Chương trình Quản trị công Fulbrights*.

(6) Xem <https://tcnn.vn/news/detail/49768/Quan-tri-nha-nuoc-tot-va-nhung-van-de-dat-ra-doi-voi-quan-ly-nha-nuoc-o-Viet-Nam>.

(7) Vũ Thanh Sơn, *Một số vấn đề về hiệu lực quản lý nhà nước ở Việt Nam*, Tạp chí Tổ chức nhà nước, số 5/2009.

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.287.

(9) Xem <http://www.pc.gov>.

(10) Báo cáo tổng quan, “*Việt Nam 2035: hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*”, Nhóm Ngân hàng Thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, tr.97.